

Bản án số: **45** /2022/HNGĐ - ST

Ngày: 26-9-2022

V/v “Ly hôn, nuôi con C”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S, TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Ngọc Lý

2. Ông Hà Đồng Tịnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thái Phương Dung – Thư ký Tòa án của TAND quận S, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Vân Anh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 125/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2022 về Tranh chấp ly hôn, nuôi con C theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2022/QĐXX-ST ngày 30 tháng 8 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 108 ngày 14/9/2022 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà **Thái Thị C** - sinh năm: 1993 – Trú tại: 06 N, tổ 34 phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông **Bùi Thiện D** – sinh năm: 1990 – Trú tại: phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/5/2022, bản tự khai ngày 17/8/2022 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Thái Thị C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà C kết hôn với ông Bùi Thiện D vào năm 2012, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại 06 N, quận C, Đà Nẵng. Hai bên chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, ông D ham mê bài bạc, nợ nần. Bà có khuyên nhủ thì ông gia trưởng thường xuyên dùng vũ lực, hay có lời lẽ xúc phạm, thiếu sự tôn trọng bà nên cả hai thường xuyên xảy ra cãi vã. Mâu thuẫn được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Hiện tại cả hai sống ly thân từ năm 2017 đến nay, ông D đem 02 con về sống tại nhà mẹ ở tại phường N, quận S, Đà Nẵng, không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay về tình cảm bà C xác định không còn yêu thương ông D nữa, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông D

- Về con chung: bà Thái Thị C xác định có 02 con chung là Bùi Thái Nhã T, sinh ngày: 24/4/2012, Bùi Thái Nhã K – sinh ngày: 16/3/2014. Ly hôn nguyện vọng

của bà C là giao 02 con cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Bà C cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

- **Về tài sản chung:** Bà C xác định không có.

- **Về nợ chung:** Bà C xác định không có.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Bùi Thiện D không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không tham gia hoà giải và cũng không tham gia phiên tòa xét xử vụ án trên.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S phát biểu về sự tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự. Theo đó: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng pháp luật từ khâu thụ lý, hòa giải, thu thập chứng cứ và mở phiên tòa xét xử. Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc không tuân thủ quy định của pháp luật.

Về nội dung: đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình

Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thái Thị C về việc ly hôn với ông Bùi Thiện D

Về con chung: Giao 02 con chung Bùi Thái Nhã T, sinh ngày: 24/4/2012, Bùi Thái Nhã K – sinh ngày: 16/3/2014 cho ông Bùi Thiện D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi. Bà C cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: không đề cập giải quyết. Sau này các đương sự có tranh chấp, khởi kiện tại Tòa án thì sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp ly hôn giữa nguyên đơn bà Thái Thị C với bị đơn ông Bùi Thiện D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân quận S đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn ông Bùi Thiện D nhưng tại phiên tòa hôm nay ông D vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông D

Về nội dung vụ án:

[2] Bà Thái Thị C kết hôn với ông Bùi Thiện D vào năm 2012, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận H, Tp Đà Nẵng theo giấy chứng nhận kết hôn số 09 ngày 09/02/2012. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, ông D ham mê bài bạc gây nợ nần, hay có lời lẽ xúc phạm, thiếu sự tôn trọng, đánh đập bà C nên cả hai thường xuyên xảy ra cãi vã. Hai bên sống ly thân từ năm 2017 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay bà C xác

định không còn yêu thương ông D nên xin được ly hôn. Còn bị đơn ông D mặc dù Toà án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông vẫn cố tình vắng mặt không có lý do.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà C thì thấy: Giữa ông D, bà C từ khi kết hôn năm 2012 đến nay chỉ chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Khi mâu thuẫn xảy ra ông bà đều không có giải pháp gì để hàn gắn và xây dựng lại gia đình, hiện đã sống ly thân nhau từ 2017 đến nay. Đối với ông D có ý thức đề mặc, không tham gia các phiên hòa giải cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa, điều này thể hiện ông D vừa coi thường pháp luật, vừa thờ ơ với việc hàn gắn hạnh phúc gia đình, bản thân ông D không còn thiện chí xây dựng hạnh phúc gia đình với bà C. Mặt khác qua xác minh tại nơi cư trú cũng xác định mâu thuẫn của ông bà theo như trình bày của bà C. Vì vậy HĐXX có đủ cơ sở nhận định mâu thuẫn ông D, bà C đã trở nên trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho bà C được ly hôn ông D là hoàn toàn phù hợp với điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: ông D, bà C có 02 con chung Bùi Thái Nhã T, sinh ngày: 24/4/2012, Bùi Thái Nhã K – sinh ngày: 16/3/2014. Tại phiên tòa hôm nay bà C có nguyện vọng giao 02 con cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi. Bà C cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 2.000.000 đ (Hai triệu đồng) vào ngày 20 hàng tháng bắt đầu từ tháng 10/2022 cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Xét yêu cầu của bà C về việc nuôi con chung thì thấy: Việc giao con cho ai trông nom, nuôi dưỡng đều phải dựa vào quyền lợi mọi mặt của con, đảm bảo được sự phát triển của con cả về thể chất lẫn tinh thần, từ khi mâu thuẫn vợ chồng xảy ra, ông D là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 con. Ngày 17/8/2022, Tòa án có thông báo số 01/TB-TA gửi đến ông D đề nghị đưa 02 con đến Tòa án để lấy lời khai nhưng ông D không thực hiện. Ngày 29/8/2022, Tòa án phối hợp địa phương đến nhà lấy lời khai của 02 cháu nhưng ông D không hợp tác và không cung cấp địa chỉ Trường học của các cháu nên Tòa án lập biên bản ghi nhận sự việc. Xét yêu cầu của bà C là giao 02 con cho ông D là phù hợp với tình hình thực tế, ổn định cuộc sống của các con cũng như quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[5] Đối với việc cấp dưỡng nuôi con: bà Thái Thị C đề nghị cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 2.000.000 đồng vào 20 hàng tháng bắt đầu từ tháng 10/2022 cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Xét nguyện vọng trên là tự nguyện và đảm bảo quyền lợi cho các con cũng như quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về tài sản chung: Bà C xác định không có. Ông D không có ý kiến trong hồ sơ nên HĐXX không đề cập giải quyết. Sau này các đương sự có tranh chấp, khởi kiện tại Tòa án thì sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[7] Về nợ chung: Bà C xác định không có. Ông D không có ý kiến nên HĐXX không đề cập giải quyết. Sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[8] Đối với ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân quận S, Tp Đà Nẵng thấy phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[9] Về án phí: Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng bà C phải chịu theo quy định của pháp luật.

Án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ: 300.000 đồng bà Thái Thị C phải chịu
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của bà Thái Thị C đối với ông Bùi Thiện D

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Thái Thị C được ly hôn với ông Bùi Thiện D *(Do chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà C đối với ông D nên giấy chứng nhận kết hôn hôn số 09 do UBND phường H, quận H, TP Đà Nẵng cấp ngày 09/02/2012 không còn giá trị pháp lý)*

2. Về con chung: Giao 02 con chung Bùi Thái Nhã T, sinh ngày: 24/4/2012, Bùi Thái Nhã K – sinh ngày: 16/3/2014 cho ông Bùi Thiện D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi. Bà C cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng), vào ngày 20 hàng tháng bắt đầu từ tháng 10/2022 cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Cả hai bên đương sự đều được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thanh toán xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Án phí HNGĐ sơ thẩm: 300.000 đồng bà Thái Thị C phải chịu được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà C đã nộp theo biên lai thu số 0005839 ngày 07 tháng 6 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận H, TP. Đà Nẵng.

Án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ: 300.000 đồng bà Thái Thị C phải chịu

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết tại nơi thường trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các điều 6,7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hành án dân sự.

Nơi nhận :

- VKSND quận S;
- Chi cục THADS quận S;
- UBND phường H, Quận H, Đà Nẵng
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Hạnh

